TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cadá Thị Lính
2. Ông Bùi Hữu Pha

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên toà: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đU sự:

1. Nguyên đơn: Chị Katơr Thị N, sinh năm 1984 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Katơr Thị N: Ông Ngô Văn Phát - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Chamaléa U, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.
Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Katơr Thị N trình bày:

Chị N và anh Chamaléa U sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 37 ngày 18/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau khi kết hôn hai người làm

ăn sinh sống ở thôn M, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2022 đến nay anh U bỏ về sống với cha mẹ ở thôn T, xã P và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị và anh U có 02 (hai) người con chung là cháu Katơr T, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Katơr Thị Ch, sinh ngày 30/12/2008. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con và chị không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N, Ông Ngô Văn Phát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Chamaléa U sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 37 ngày 18/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn M, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2022 đến nay anh U bỏ về sống với cha mẹ ở thôn T, xã P và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

- Về con chung: Chị N và anh U có hai người con chung là cháu Katơr T, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Katơr Thị Ch, sinh ngày 30/12/2008. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị N có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu Ch cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh U phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái đã nhiều lần triệu tập anh Chamaléa U đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị N, nhưng anh U vẫn vắng mặt. Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 15/9/2023, Tòa án đã nhiều lần niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nơi anh U sinh sống để anh biết đến Tòa án giải quyết vụ, việc. Mặc dù vẫn có mặt ở địa phương, anh U không chấp hành cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh U và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Ngô Văn Phát – Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Chamaléa U chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Chamaléa U là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn anh Chamaléa U đang cư trú tại Thôn M, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Chamaléa U sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 37 ngày 18/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn M, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2022 đến nay anh U bỏ về sống với cha mẹ ở thôn T, xã P và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

- Về con chung: Chị N và anh U có hai người con chung là cháu Katơr T, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Katơr Thị Ch, sinh ngày 30/12/2008. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị N có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu Ch cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh U phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Katơr Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 05/7/2023, chị Katơr Thị N đã làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chamaléa U. Hiện nay anh U đang cư trú tại Thôn M, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận nên Tòa

án huyện Bác Ái đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung.

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Chamaléa U sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 37 ngày 18/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn M, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2022 đến nay anh U bỏ về sống với cha mẹ ở thôn T, xã P và hai người không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

2.2. Về con chung: Chị N và anh U có hai người con chung là cháu Katơr T, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Katơr Thị Ch, sinh ngày 30/12/2008. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị N có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con và chị không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3.Về tài sản chung: Không có nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Katơr Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Katơr Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Katơr Thị N được ly hôn với anh Chamaléa U.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Katơr T, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Katơr Thị Ch, sinh ngày 30/12/2008 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Katơr Thị N.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2023).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Thuận;
-VKSND huyện;
-Các đU sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thiện